

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ NHẪM THU HÚT FDI: KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

HÀ THỊ HƯƠNG LAN^{*}

Công nghiệp phụ trợ với tư cách là một bộ phận cấu thành của nền sản xuất xã hội, là một ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù, là toàn bộ các cơ sở sản xuất ra các sản phẩm giữ vai trò tạo lập các tiền đề vật chất, kỹ thuật cần thiết phụ trợ cho các ngành công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Xét về vai trò đối với sự phát triển của nền kinh tế, công nghiệp phụ trợ là chất xúc tác để thúc đẩy quá trình tái sản xuất xã hội mở rộng nhanh chóng, đồng thời nó là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường đầu tư để thu hút kích thích các nguồn vốn, công nghệ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế của một quốc gia. Công nghiệp phụ trợ phát triển mới thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhất là FDI trong các ngành sản xuất các loại máy móc, là những ngành đang phát triển mạnh tại Đông Á và là những lĩnh vực Việt Nam có lợi thế so sánh. Tỷ lệ của chi phí về công nghiệp phụ trợ cao hơn nhiều so với chi phí lao động, nên một nước dù có ưu thế về lao động, nhưng công nghiệp phụ trợ không phát triển sẽ làm cho môi trường đầu tư kém hấp dẫn.

Công nghiệp phụ trợ hiện nay đang phát triển mạnh mẽ ở khu vực Đông Á như một trong những hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp đặc thù trong bối cảnh hội nhập rộng rãi. Các quốc gia công nghiệp trẻ đang chuyển dịch mạnh mẽ các cơ sở sản xuất của mình đến gần thị trường tiêu thụ.

Trung Quốc được biết đến với vai trò là một thị trường lớn và là một đầu tàu kinh tế của khu vực. Từ khi thực hiện cải cách kinh tế năm 1978 đến nay, Trung Quốc đã nhanh chóng trở dậy thành một cường quốc kinh tế. Từ cuối thập niên 1990, dư luận quốc tế đã nói đến Trung Quốc như là một “công xưởng thế giới”.

^{*} Ths. Trường Chính trị tỉnh Hà Giang.

Hiện nay, Trung Quốc đã là nhà xuất khẩu lớn nhất, nhà mua ô tô lớn nhất và nhà sản xuất thép lớn nhất. Ảnh hưởng của nước này trên toàn cầu cũng đang ngày một mở rộng. Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) ngày 03/03/2010 xác nhận, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản và trở thành nước chế tạo công nghiệp lớn thứ 2 thế giới, sau Mỹ. Thị phần của Trung Quốc trong tổng giá trị chế tạo công nghiệp toàn cầu là 15,6%, sau Mỹ (19%), trong khi thị phần của Nhật Bản là 15,4%.

Sau ba thập niên tăng trưởng kinh tế ngoạn mục, Trung Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản, trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Trung Quốc phát triển bắt đầu từ cách thức lắp ráp trên cơ sở thu hút FDI từ các công ty, tập đoàn nước ngoài. Ban đầu Chính phủ nước này cũng có những yêu cầu bắt buộc các công ty, tập đoàn nước ngoài tăng cường tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm bằng việc khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất phụ trợ ở nước sở tại và hạn chế nhập khẩu bằng các biện pháp đánh thuế cao hàng hoá, linh kiện phụ tùng nhập khẩu. Về sau những biện pháp này bắt đầu bộc lộ nhược điểm, làm giảm mức độ cạnh tranh và tự thân vận động của các doanh nghiệp trong nước, cản trở sức thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Cùng với việc tăng cường hội nhập quốc tế, các hàng rào thuế quan bị dỡ bỏ, quốc gia này đã chuyển sang tăng cường hỗ trợ gián tiếp các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước phối hợp với các công ty, tập đoàn đa quốc gia nước ngoài để phát triển các cơ sở sản xuất phụ trợ nội địa phục vụ sản xuất hướng đến tạo môi trường thu hút đầu tư nước ngoài.

Một loạt biện pháp được tiến hành như thành lập các tổ chức đầu ngành để làm cầu nối giữa khu vực tư nhân và Nhà nước, phối kết hợp các lợi ích giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau, xây dựng chính sách phát triển ngành, xây dựng và quản lý việc thực hiện ngân sách và các dịch vụ dành cho khu vực kinh tế tư nhân, tăng cường phát triển tiềm năng khoa học công nghệ quốc gia, phát triển hệ thống khoa học công nghệ (KH-CN); xúc tiến hợp tác giữa các cơ quan tư nhân và Nhà nước về nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính; đổi mới cơ chế tài chính, bảo lãnh cho vay để phát triển sản xuất ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân hợp tác và tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất từ các đối tác nước ngoài... Đồng thời, Trung Quốc đã tạo điều kiện thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, vốn giúp các loại hình doanh nghiệp liên kết chặt chẽ với nhau, trao đổi thông tin, hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển công nghiệp phụ trợ, mặt

khác, Chính phủ Trung Quốc còn tạo cơ chế cho các doanh nghiệp cùng nhau đề đạt với Chính phủ những yêu cầu hỗ trợ về mặt chính sách tạo điều kiện cải thiện môi trường hoạt động kinh doanh hướng vào thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, cần nói thêm rằng, các chính sách hỗ trợ của Trung Quốc không phải là chế ra những miếng bánh độc quyền để phân phát cho các doanh nghiệp, mà là quá trình nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng hơn, kích thích nỗ lực sáng tạo, giúp các doanh nghiệp phát huy tối đa tiềm năng sẵn có của mình.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu sản phẩm trong ngành công nghiệp phụ trợ. Đa dạng hoá các ốc vít công nghiệp để đạt được giá trị gia tăng cao. Hiện nay, rất nhiều công ty của Trung Quốc đã có sản phẩm ốc vít chuyên nghiệp và các sản phẩm phụ trợ cao cấp khá nổi tiếng, như: Thượng Hải New Way, Autocraft, Chiết Giang New Oriental, Jiashan Mita Si, HOMER HARDWARE, Đài Loan Chí sản phẩm, Chiết Giang Sheng Đà, Thượng Hải Yi Wen, Bình Hồ Kang Đà, Thượng Hải Rui Billiton...

Trên cơ sở các biện pháp khuyến khích cao nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ, dựa trên sự ủng hộ của các công ty/tập đoàn nước ngoài và Chính phủ của họ, Trung Quốc đã hình thành một số trung tâm công nghiệp, bắt đầu quá trình tích tụ công nghiệp, có sức thu hút đầu tư và cạnh tranh cao.

Trung Quốc đầu tư thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa tiến nhanh trên quy mô lớn. Nhiều ngành trong công nghiệp chế biến phát triển trên dưới 20% mỗi năm như đồ điện gia dụng, xe hơi, máy tính cá nhân và nhiều loại máy móc khác. Vì máy móc là các loại sản phẩm có nhiều bộ phận, linh kiện, công đoạn nên trong nội bộ mỗi ngành, các công ty xuyên quốc gia (TNCs) triển khai phân công lao động trên qui mô toàn cầu, hình thành các chuỗi cung ứng. Nắm bắt được điều đó, ngay từ đầu thập niên 1990, Trung Quốc đã thành công trong việc thu hút FDI thông qua việc tập trung đầu tư, phát triển trong các ngành chế tạo các loại máy móc từ trung cấp (như đồ điện gia dụng) đến cao cấp (như máy tính, máy chụp hình kỹ thuật số) làm thành các cụm công nghiệp ở các tỉnh ven biển, nhất là ở tam giác sông Châu Giang tỉnh Quảng Đông. Qua đó, Trung Quốc tham gia mạnh mẽ vào chuỗi cung ứng toàn cầu, vừa xuất khẩu vừa nhập khẩu các mặt hàng thuộc nội bộ các ngành này. Hiện nay có hơn 50% kim ngạch xuất và nhập khẩu của Trung Quốc do TNCs thực hiện, nhất là TNCs có gốc Nhật, Hàn Quốc và Đài Loan. Đồng thời,

Trung Quốc đã đẩy mạnh xuất khẩu hàng công nghiệp trên quy mô lớn và triển khai hầu như toàn diện trong các lĩnh vực, từ sản phẩm có hàm lượng công nghệ thấp đến các sản phẩm có hàm lượng kỹ năng cao, công nghệ cao; đồng thời Trung Quốc triển khai phân công hàng ngang, phân công nội ngành với các nước khác trong các mặt hàng chế tạo các loại máy móc, là những lĩnh vực chủ đạo trong thương mại quốc tế hiện nay. Các nước phát triển ở trình độ cao hơn Trung Quốc như Nhật, Hàn Quốc, hoặc các nước đã thành công trong việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu (như Malaysia, Thái Lan,...) có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang Trung Quốc những mặt hàng có hàm lượng kỹ năng cao hoặc trung bình. Trong nhiều mặt hàng thuộc các ngành này, Trung Quốc chiếm tới trên dưới 40% sản lượng thế giới. Vì vậy, Trung Quốc được xem là công xưởng của thế giới.

Thông qua các chính sách của mình, Trung Quốc đã dần dần tạo ra một kết cấu ngành nghề đầu tư nước ngoài ngày càng hoàn thiện. Đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực kỹ thuật cao như ngành chế tạo thiết bị, cơ khí điện máy, sản xuất vật liệu.v.v.. tiếp tục tăng trưởng cao. Các công ty xuyên quốc gia đầu tư thành lập trung tâm nghiên cứu ngày càng tăng và tập trung vào lĩnh vực trọng điểm như ngành chế tạo thiết bị điện tử và thông tin, thiết bị giao thông vận tải, y dược, sản xuất nguyên liệu và thành phẩm hóa học... Có thể nói, hiện nay trong các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm tiêu thụ cuối cùng, Trung Quốc đã dần dần thay thế Nhật Bản với tư cách là nước sản xuất đứng đầu thế giới.

Nhìn chung, Trung Quốc đã có một chiến lược phát triển dài hạn trong các ngành có lợi thế so sánh, đặc biệt là phát triển công nghiệp và công nghiệp phụ trợ, tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển kinh tế và quay trở lại xuất khẩu nhiều loại sản phẩm ra thị trường thế giới. Nhờ chiến lược phát triển công nghiệp và công nghiệp phụ trợ, Trung Quốc đã được tiếp sức bằng nhu cầu cực lớn đối với tài nguyên, máy móc, các sản phẩm khác từ thế giới đang phát triển cũng như các nền kinh tế giàu có như Nhật, Ôstraylia. Với chính sách đa dạng hoá, tự do hoá, Trung Quốc đã đặc biệt quan tâm, ưu tiên, khuyến khích đối với các công ty Hoa Kiều, công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia, đồng thời bãi bỏ yêu cầu về tỷ lệ nội địa hoá, cải tạo và xây dựng mới kết cấu hạ tầng, ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến và cùng với một thị trường rộng lớn, nguồn lao động dồi dào, phong phú, hệ thống phụ trợ và hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện, kinh tế vĩ

mô tương đối ổn định, Trung Quốc đã thu hút FDI từ hầu hết các nước tiên tiến và một số nước có người Hoa ở Châu Á. Đồng thời, Trung Quốc đã tiến hành đóng cửa các cơ sở sản xuất công nghiệp lạc hậu, hết thời hạn sử dụng. Cuối năm 2010, Trung Quốc đã loại bỏ 30 triệu tấn phôi thép dự trữ, 91,55 triệu tấn xỉ măng và 8,25 triệu tấn thép vì không đảm bảo chất lượng.

Bằng các biện pháp và chính sách mạnh mẽ cho công nghiệp phụ trợ, Trung Quốc hiện là nơi thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất khu vực và có truyền thống công nghiệp phụ trợ phát triển mạnh. Sản phẩm công nghiệp phụ trợ đa dạng, nhiều chủng loại và cấp chất lượng, chi phí thấp, có sức cạnh tranh toàn cầu. Khu vực phía Nam Trung Quốc gồm các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam với số dân gần 250 triệu người đã trở thành một trung tâm lớn của thế giới về sản xuất công nghiệp, trong đó có công nghiệp hỗ trợ. Tầm ảnh hưởng của công nghiệp phụ trợ phía Nam Trung Quốc rất lớn và có tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển công nghiệp không chỉ của Việt Nam, ASEAN, mà còn cả khu vực Đông Nam Á. Dưới tác động này, thậm chí các công ty, tập đoàn lớn của Nhật cũng đã phải điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh của mình. Các nước và vùng lãnh thổ đầu tư chủ yếu vào Trung Quốc tiếp tục tăng. Về đầu tư vốn thực tế, 10 nước và vùng lãnh thổ dẫn đầu lần lượt là Hongkong, Quần đảo Virgin (Anh), Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Đài Loan, Quần đảo Cayman (Anh), Singapo, Xa-moa và Đức, chiếm 84% tổng kim ngạch lợi dụng đầu tư nước ngoài thực tế của Trung Quốc.

Sau khi gia nhập WTO (tháng 11/2001), dòng chảy FDI vào Trung Quốc đã tăng rất mạnh, vốn đăng ký đã tăng từ 69 tỷ USD năm 2001 lên 83 tỷ năm 2002, rồi 115 tỷ năm 2003 và 154 tỷ năm 2004, đến năm 2007 đã tăng lên hơn 240 tỷ USD. Đặc biệt, trong năm 2008 mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn FDI vào Trung Quốc, nhưng quốc gia này vẫn là một địa chỉ hấp dẫn đối với giới đầu tư nước ngoài. Trung Quốc đã thu hút được lượng vốn FDI lên tới 111,17 tỷ USD, tăng 27,65% so với năm 2007. Trong 10 tháng đầu năm 2010, Trung Quốc thu hút 82,003 tỷ USD, tăng 15,71% so với cùng kỳ năm 2009. Nhìn chung, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Trung Quốc liên tục tăng trong những năm qua.

Trung Quốc đã và đang là điểm nóng đầu tư. Doanh nghiệp nước ngoài bắt đầu chuyển hướng đầu tư từ lĩnh vực xuất khẩu sang phục vụ thị

trường nội địa do Trung Quốc cải thiện hệ thống pháp luật, hướng tới thị trường trong nước và phát triển công nghiệp phụ trợ.

Năm 2010, Trung Quốc tiếp tục được các doanh nghiệp nước ngoài coi là địa điểm đầu tư đáng cân nhắc hàng đầu. Các nhà đầu tư nước ngoài từ mọi ngành công nghiệp lớn khắp nơi trên thế giới bị hấp dẫn bởi thị trường khổng lồ của nước này. Quan tâm phát triển công nghiệp phụ trợ, cùng với nhu cầu nội địa tại Trung Quốc tăng và sự dịch chuyển hướng tới một lực lượng lao động chất lượng cao hơn là những yếu tố cơ bản mà các doanh nghiệp FDI đánh giá cao hơn cho thị trường này.

Những gợi ý cho Việt Nam:

Một là, thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp phụ trợ là hết sức cần thiết để thu hút lâu dài và ổn định dòng FDI. Cả Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp cần phải nhận thức được rõ tầm quan trọng này, từ đó có những động thái và sự nỗ lực thiết thực để thu hút FDI.

Trước hết cần, xây dựng mạng lưới liên kết các doanh nghiệp theo ý tưởng “góp gió làm bão”. Vì ở Việt Nam sứ mệnh này chỉ có thể trông chờ vào sự nỗ lực của bản thân các doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, doanh nghiệp tư nhân với triết lý “kiếm mảnh trời riêng”, tìm những phân mảnh thị trường tránh đối đầu trực tiếp với khối doanh nghiệp nhà nước hay nước ngoài, khiến hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ tư nhân hoạt động trong tình trạng phân tán, nhỏ lẻ. Cùng với hạn chế trong trao đổi thông tin và hợp tác giữa các doanh nghiệp với nhau, kết quả là dù có những thành viên đầy tiềm năng, nhưng trên toàn cục đội ngũ doanh nghiệp phụ trợ tư nhân của Việt Nam không có được một sức mạnh tổng hợp.

Muốn tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho cả nền công nghiệp phụ trợ, cần xây dựng một mạng lưới nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phụ trợ tư nhân trao đổi thông tin chặt chẽ, tận dụng những cơ hội liên kết, hợp tác, tự hỗ trợ lẫn nhau, cũng như đưa ra những yêu cầu hỗ trợ cải thiện điều kiện kinh doanh với các nhà lập chính sách.

Vấn đề cơ bản ở đây là, mạng lưới này phải do các doanh nghiệp phụ trợ tư nhân tự nguyện tham gia sáng lập, chứ không thể trông chờ vào Chính phủ. Chỉ khi là sản phẩm tự thân của các doanh nghiệp tư nhân, mới có thể hoạt động với tinh thần phục vụ cộng đồng doanh nghiệp, và vì lợi ích của mỗi thành viên.

Về nguyên tắc mạng lưới phụ trợ này phải tạo ra được một sân chơi chung, khuyến khích các doanh nghiệp thành viên giao lưu trao đổi hỗ trợ tri thức kỹ thuật, quản lý kinh doanh, đồng thời thu thập những tư liệu từ hoạt động thực tế của các doanh nghiệp để đưa ra những yêu cầu hỗ trợ từ phía Nhà nước cho các nhà lập chính sách. Kinh nghiệm phát triển công nghiệp phụ trợ của Trung Quốc cho ta thấy, các doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ với nhau, trao đổi thông tin, hỗ trợ nhau, cùng nhau đề đạt với chính phủ những yêu cầu hỗ trợ về mặt chính sách tạo điều kiện cải thiện môi trường hoạt động kinh doanh thực tế.

Hai là, công nghiệp phụ trợ phát triển song hành với việc phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nó được sự bảo trợ trực tiếp của các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia cũng như sự gián tiếp của Chính phủ nước sở tại. Công nghiệp phụ trợ chỉ phát triển có hiệu quả và có vai trò tích cực trong thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài khi Chính phủ thành lập những tổ chức, cơ quan đầu ngành hoạt động chuyên nghiệp, cơ quan này sẽ là cầu nối không chỉ giữa Chính phủ với doanh nghiệp, mà còn giữa các doanh nghiệp với nhau (xúc tiến liên kết giữa các nhà thầu phụ, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các công ty lớn; kết nối các nhà cung cấp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài).

Ba là, Chính phủ phải xây dựng cho mình một chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, đề ra được những mục tiêu và chính sách phát triển dài hạn, rõ ràng, cũng như đề được ra những giải pháp phát triển cụ thể, có luận cứ khoa học và thực tiễn, lựa chọn những lĩnh vực công nghiệp trọng điểm, thúc đẩy công nghiệp phụ trợ phát triển, tăng thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Bốn là, Chính phủ thực hiện những chương trình hỗ trợ cụ thể để thu hút FDI. Các biện pháp khuyến khích về thuế, tự do hoá thương mại, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo các chuyên gia giỏi trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, các nhà quản trị kinh doanh và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng đổi mới và phát triển khoa học - công nghệ cho các doanh nghiệp và điều quan trọng là phải làm cho doanh nghiệp nhìn thấy lợi ích của mình trong phát triển dài hạn, làm sao để tạo ra được một “cú huých” cho dòng chảy FDI.

Năm là, cần tôn trọng quyết định mua sắm tối ưu của nhà đầu tư nhằm tạo cho họ sự chủ động tối đa trong sản xuất kinh doanh, đồng thời cần tạo ra một môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà cung cấp trong

và ngoài nước. Bên cạnh đó, cần thực hiện ngay từ những khâu đầu tiên (nghiên cứu, thiết kế sản phẩm) đối với sự liên kết giữa các doanh nghiệp lắp ráp với các nhà cung ứng, đặc biệt là các nhà cung ứng trong nước. Sự liên kết này được thực hiện một cách chủ động từ hai phía nhằm tăng cường khả năng khai thác và năng lực kỹ thuật, đa dạng hoá sản phẩm với các tính năng ngày càng vượt trội. Những hỗ trợ của Nhà nước không phải là can thiệp trực tiếp vào mối quan hệ này (quy định tỷ lệ nội địa hoá, tăng thuế nhập khẩu linh kiện...), mà nên có những chính sách hỗ trợ gián tiếp như: xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhà cung cấp trong nước, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, tổ chức các hội chợ công nghiệp phụ trợ...

Sáu là, về phía các doanh nghiệp, cần chủ động hơn nữa trong việc tìm kiếm đối tác, liên kết hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng cường khả năng tài chính, trình độ quản lý. Thái độ tích cực hợp tác của các doanh nghiệp trong nước cũng chính là một nhân tố tác động tới quyết định của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến với Việt Nam.

Bảy là, chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường công nghiệp phụ trợ, phải hướng vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp. Nhà nước cần để cho các doanh nghiệp tự xác định năng lực sản xuất tối ưu, nghĩa là lựa chọn sản xuất các sản phẩm, chi tiết, linh kiện phù hợp với năng lực của mình để sản xuất có hiệu quả nhất.

Tám là, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ thích hợp cho công tác xúc tiến thương mại trong việc tìm kiếm và phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực thiết kế và công nghệ./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công nghiệp (2006) (nay là Bộ Công Thương), *Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cho một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Trần Văn Thọ, “Sự trỗi dậy của kinh tế Trung Quốc” <http://www.vietbao.vn>.
3. Trần Văn Thọ (2005), “Công nghiệp hoá Việt Nam trong trào lưu khu vực hoá ở Đông Á”, Tạp chí Thời đại mới.
4. Hưng Thịnh (Sydney, Úc) (2010), *Kinh tế Trung Quốc 2010: tác động và dự báo*, Tạp chí Thời báo kinh tế Sài Gòn.

